SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN; Thời gian ký: 2026-05-19T14:07:57+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2055/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 2234/SYT-BTXHTE ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Bà mẹ và Trẻ em - Bộ Y tế (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thái Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2055.../QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Trẻ em là thế hệ sẽ kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan tâm, chăm lo cho thế hệ trẻ là đầu tư cho những chủ nhân tương lai của đất nước. Trong những năm qua, Đảng và nhà nước ta đã luôn quan tâm đến công tác trẻ em; ban hành nhiều chủ trương, chính sách và pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Cùng với thành tựu chung của cả nước, công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh Nghệ An cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, gia đình và xã hội ngày một nâng cao. Tổ chức bộ máy, chính sách, nguồn lực, hệ thống y tế, giáo dục, vui chơi, giải trí, các dịch vụ xã hội được tăng cường, đáp ứng cơ bản yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Quyền trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, gặp khó khăn trong cuộc sống được quan tâm. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình, nhà trường và xã hội ngày càng chặt chẽ, hiệu quả.

- Trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là đối tượng cần được yêu thương và sự quan tâm đặc biệt. Bởi lẽ, hầu hết nhóm trẻ em này gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ các dịch vụ về quyền trẻ em và phát triển hài hòa về thể chất và tâm lý, nếu thiếu sự quan tâm sẽ gây hệ lụy lớn đối với bản thân trẻ em và xã hội ở hiện tại và tương lai, đồng thời, làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và an sinh xã hội của nước nhà. ''Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là những người chịu nhiều thiệt thòi, nhất là về điều kiện sống, dinh dưỡng, giáo dục và chăm sóc sức khoẻ. Chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt không chỉ để chữa lành những bất hạnh hiện tại mà chính là sự chăm lo cho tương lai và sự phát triển bền vững đất nước, thể hiện tính nhân văn, ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa" *(Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với Đảng uỷ Bộ Y tế, các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương về công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngày 24/11/2025).*

- Mặt khác, kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ

em nhằm đảm bảo các mục tiêu vì trẻ em trên địa bàn tỉnh là rất lớn. Hiện nay, nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước chủ yếu chi cho việc thực hiện các chế độ chính sách do nhà nước quy định (trợ cấp xã hội, BHYT, hỗ trợ chi phí học tập...). Mức hỗ trợ còn thấp, chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu đời sống, sinh hoạt và học tập của trẻ em, cần huy động thêm nguồn lực của xã hội nhằm đảm bảo điều kiện, nhu cầu của trẻ em. Vì vậy, việc xây dựng **Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030** (sau đây gọi tắt là Đề án) là rất cần thiết.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

- Ngày 25/12/2023, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 28-CT/TW về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Bộ Chính trị đánh giá, sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới, công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại, khó khăn như: nguồn lực để thực hiện chủ trương, chính sách, mục tiêu còn hạn chế; yêu cầu cấp ủy, các tổ chức đảng thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hoá, khuyến khích, huy động tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, xã hội tham gia, phối hợp thực hiện tốt các chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp, mô hình chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em.

- Thông báo số 432-TB/VPTW ngày 26/11/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Đảng ủy Bộ Y tế, các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương về công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trong đó có nội dung ''hoàn thiện cơ chế xã hội hoá minh bạch để huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia vào công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt."

- Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Nghệ An yêu cầu: Bố trí ngân sách và huy động nguồn lực xã hội nhằm bảo đảm thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, trong đó ưu tiên đối với địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

2. Căn cứ pháp lý

- Khoản 2 Điều 42 Luật Trẻ em năm 2016 có quy định: Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 9 /5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

- Nghị định số 03/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030.

- Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt danh sách thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, phường khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Thực trạng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

Toàn tỉnh Nghệ An hiện có 992.281 trẻ em, chiếm tỷ lệ 27,52% tổng dân số. Trong đó, có 15.381 em có hoàn cảnh đặc biệt và 116.761 em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt (tổng 132.142 em, chiếm tỷ lệ 13,3% tổng số trẻ em toàn tỉnh). Số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt là rất lớn, song nguồn lực từ ngân sách dành cho công tác hỗ trợ trẻ em còn hạn chế. Ngoài trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, còn có nhiều trẻ em có hoàn cảnh khó khăn khác như: Trẻ em có cha hoặc mẹ không có việc làm, sống trong gia đình có mức sống trung bình; Trẻ em có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng, cha hoặc mẹ là người tàn tật không có khả năng lao động, người còn lại công việc không ổn định, thu nhập thấp; Trẻ em có cha hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, tâm thần, bệnh nặng phải điều trị dài ngày, người còn lại công việc không ổn định, thu nhập thấp; Trẻ em có cha hoặc mẹ đột ngột bị mất hoặc giảm thu nhập, không đảm bảo được mức sống tối thiểu.... cũng rất cần sự quan tâm của cộng đồng xã hội.

(Phụ lục 1 kèm theo)

3.2. Kết quả vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

- Thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc

biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019 - 2025 (sau đây gọi tắt là Đề án 588 của Chính phủ), UBND tỉnh đã ban Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 về phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Đề án 2338 của UBND tỉnh). Sau 5 năm thực hiện, toàn tỉnh đã vận động được gần 139 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguồn ngân sách nhà nước: Đạt hơn 13,7 tỷ đồng, chủ yếu để đối ứng các dự án quốc tế.

+ Nguồn vận động xã hội: Đạt gần 125,2 tỷ đồng (chiếm hơn 90% tổng nguồn lực).

- Từ nguồn lực đó, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho hơn 242.914 lượt trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và thực hiện tốt các mục tiêu, hoạt động chính của Đề án như: khám chữa bệnh, học tập, dinh dưỡng, đồ ấm, vui chơi, giải trí đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, Đề án cũng góp phần huy động nguồn lực, kinh phí cho các chương trình, đề án khác liên quan đến trẻ em, giảm áp lực đối với ngân sách nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn.

(Phụ lục 2, 3 kèm theo)

Để phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được trong việc thực hiện Đề án 588 của Chính phủ và Đề án 2338 của UBND tỉnh; làm cơ sở để các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh vận động nguồn lực hỗ trợ công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát huy trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng chăm lo cho trẻ em, đồng thời bổ sung nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án khác liên quan đến công tác trẻ em, giảm áp lực lên ngân sách nhà nước, góp phần đảm bảo quyền trẻ em, cần tiếp tục ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

Phần II

MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn nói riêng. Huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn góp phần đảm bảo quyền trẻ em và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Các mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu trong giai đoạn 2026 - 2030, vận động nguồn lực xã hội khoảng 135,250 tỷ đồng hỗ trợ cho 284.000 đến 300.000 lượt trẻ em thông qua các hoạt động sau:

+ Hỗ trợ về sức khỏe và dinh dưỡng: (i) Tổ chức khám sàng lọc, phát hiện sớm bệnh tật cho ít nhất 46.000 lượt trẻ em; (ii) Hỗ trợ phẫu thuật miễn phí cho 630 trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh và các loại khuyết tật khác, giúp các em có cơ hội phục hồi chức năng và hòa nhập cộng đồng; (iii) Triển khai hỗ trợ dinh dưỡng học đường cho 20.000 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các vùng đặc biệt khó khăn; (iv) Đặc biệt chú trọng hỗ trợ giáo dục hòa nhập và can thiệp sớm cho khoảng 6.000 lượt trẻ em mắc chứng tự kỷ hoặc rối loạn phát triển.

- Hỗ trợ về giáo dục: (i) Trao tặng từ 13.000 - 15.000 suất học bổng "Tiếp sức đến trường" cho học sinh nghèo vượt khó; (ii) Hỗ trợ 4.000 xe đạp và 10.000 bộ đồ dùng học tập cho học sinh vùng sâu, vùng xa; (ii) Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 10 công trình trường lớp, nhà bán trú hoặc thư viện số tại các địa bàn khó khăn; (iv) Chương trình thư viện thân thiện, thư viện số sẽ hỗ trợ cho 30.000 trẻ em được tiếp cận với mô hình đọc sách mới, hiệu quả.

+ Hỗ trợ về bảo vệ và phát triển toàn diện: (i) Trao tặng ít nhất 75.600 suất quà cho trẻ em vào các dịp lễ, tết, ngày khai giảng; (ii) Cung cấp 1.200 xe lăn và các dụng cụ hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật; (iii) Hỗ trợ 12.000 suất đồ ấm (áo ấm, chăn ấm) cho trẻ em các xã biên giới, miền núi cao trong mùa đông; (iv) Tổ chức các buổi tư vấn tâm lý, kỹ năng sống và kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh tại các trường học.

- Phấn đấu vận động 80 - 90% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội và doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh tham gia đóng góp tự nguyện thực hiện việc giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi

Đề án được triển khai, thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng vận động

- Các hội, tổ chức từ thiện và các tổ chức phi Chính phủ;

- Các cơ quan nhà nước, các đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác thuộc Mặt trận Tổ quốc;

- Các doanh nghiệp, các cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước.

3. Đối tượng thụ hưởng

3.1. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

Theo Luật trẻ em năm 2016, Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là trẻ em không đủ điều kiện thực hiện được quyền sống, quyền được bảo vệ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, quyền học tập, cần có sự hỗ trợ, can thiệp đặc biệt của Nhà nước, gia đình và xã hội để được an toàn, hòa nhập gia đình, cộng đồng, bao gồm:

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ;

- Trẻ em bị bỏ rơi;

- Trẻ em không nơi nương tựa;

- Trẻ em khuyết tật;

- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS;

- Trẻ em vi phạm pháp luật;

- Trẻ em nghiện ma túy;

- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

- Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;

- Trẻ em bị bóc lột;

- Trẻ em bị xâm hại tình dục;

- Trẻ em bị mua bán;

- Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

- Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

3.2. Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt

- Trẻ em sống trong gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo;

- Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ;

- Trẻ em sống trong gia đình có cha hoặc mẹ mắc tệ nạn xã hội hoặc vi phạm pháp luật;

- Trẻ em sống trong gia đình có vấn đề xã hội (cha, mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV/AIDS..);

- Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ làm ăn xa (liên tục 6 tháng trở lên).

3.3. Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn:

Tại Đề án này được hiểu là:

- Trẻ em có cha hoặc mẹ không có việc làm, sống trong gia đình có mức

sống trung bình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ);

- Trẻ em có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng, cha hoặc mẹ là người tàn tật không có khả năng lao động; người còn lại công việc không ổn định, thu nhập thấp;

- Trẻ em có cha hoặc mẹ mắc bệnh hiểm nghèo, tâm thần, bệnh nặng phải điều trị dài ngày, người còn lại công việc không ổn định, thu nhập thấp;

- Trẻ em có cha hoặc mẹ đột ngột bị mất hoặc giảm thu nhập, không đảm bảo được mức sống tối thiểu.

4. Nội dung thực hiện

4.1. Chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện

a) Kính phí dự kiến: Khoảng 30,17 tỷ đồng.

b) Các hoạt động hỗ trợ

- Khám sàng lọc và cấp thuốc cho khoảng 45.000 - 46.000 lượt trẻ em;

- Phẫu thuật miễn phí cho 620 - 630 lượt trẻ em bị tim bẩm sinh và các dị tật khác;

- Phòng chống đuối nước, cấp phát miễn phí từ 14.000 - 15.000 bộ cặp phao, áo phao cứu sinh;

- Hỗ trợ trẻ tự kỷ, tập huấn, chuyển giao công nghệ can thiệp sớm cho 6.000 lượt trẻ rối loạn phổ tự kỷ;

- Hỗ trợ dinh dưỡng cho khoảng 20.000 lượt trẻ em.

4.2. Chương trình hỗ trợ giáo dục

a) Kính phí dự kiến: Khoảng 45,10 tỷ đồng.

b) Các hoạt động hỗ trợ

- Học bổng cho 13.000 - 15.000 học sinh nghèo vượt khó;

- Phương tiện đến trường (xe đạp) khoảng 4.000 học sinh;

- Xây dựng 10 công trình điểm trường, nhà bán trú, thư viện tại các xã đặc biệt khó khăn;

- Dụng cụ học tập cho khoảng 10.000 học sinh; 30.000 lượt trẻ em tiếp cận thư viện thân thiện, thư viện số.

4.3. Chương trình hỗ trợ bảo vệ trẻ em

a) Kinh phí dự kiến: Khoảng 8,58 tỷ đồng.

b) Các hoạt động hỗ trợ

- Tặng khoảng 1.200 xe lăn cho trẻ em khuyết tật

- Tặng khoảng 11.000 - 12.000 suất đồ ấm cho trẻ em vùng biên giới, miền núi;

- Trường học an toàn, tổ chức ít nhất từ 02 - 03 đợt tư vấn tâm lý học đường, kỹ năng sống và cung cấp dịch vụ xã hội cho trẻ;

- Cung cấp 05 dịch vụ xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nạn nhân là trẻ em và gia đình.

4.4. Chương trình hỗ trợ phát triển và tham gia

a) Kinh phí dự kiến: Khoảng 39,18 tỷ đồng.

b) Các hoạt động hỗ trợ

- Trang bị 2.200 - 2.300 bộ đồ chơi cho trẻ em vùng khó;

- Tặng quà cho trên 75.000 lượt trẻ em nhân các dịp lễ, tết, khai giảng.

4.5. Các hình thức hỗ trợ khác

a) Kinh phí dự kiến: Khoảng 12,22 tỷ đồng.

b) Các hoạt động hỗ trợ

- Bảo trợ dài hạn cho 35 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ đột xuất cho khoảng 7.500 - 8.000 lượt trẻ em bị thiên tai, tai nạn rủi ro, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Truyền thông huy động, tổ chức các sự kiện thu hút nguồn lực cho 38.000 - 40.000 lượt trẻ em tham gia.

(Phụ lục 4, 5 kèm theo)

Phần III

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. NHIỆM VỤ

1. Rà soát, lập "Hồ sơ theo dõi nhu cầu hỗ trợ" của ba nhóm trẻ em: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

2. Xây dựng, áp dụng phần mềm quản lý, số hóa toàn bộ dữ liệu từ hồ sơ theo dõi nhu cầu để xây dựng "Bản đồ nhu cầu", tạo thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước, vận động, phân bổ nguồn lực đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

3. Tuyên truyền hoạt động của Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nhà hảo tâm...

II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội

- Tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nói riêng. Quán triệt đầy đủ, sâu rộng nội dung Đề án, tạo đồng thuận của cả hệ thống chính trị và phát huy trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông, nhất là trong các dịp: Tết nguyên đán, Tháng hành động vì trẻ em, Tết Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, khai giảng năm học mới... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng xã hội với các hình thức phù hợp.

- Nâng cao năng lực truyền thông về bảo vệ chăm sóc trẻ em cho đội ngũ cán bộ các cấp về kỹ năng, phương pháp truyền thông; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực vào việc ủng hộ nguồn lực hỗ trợ trẻ em, đồng thời phát hiện, can thiệp, xử lý kịp thời các trường hợp lợi dụng, trục lợi, vi phạm quyền trẻ em.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Nâng cấp website của Quỹ Bảo trợ trẻ em Nghệ An để giới thiệu cung cấp địa chỉ các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đến các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm. Cung cấp các địa chỉ cần hỗ trợ cho các nhà hảo tâm thông qua văn bản, thông qua các kênh thông tin điện tử, mạng xã hội...

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên báo và phát thanh truyền hình về các hoạt động hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

2. Đổi mới phương thức huy động, điều phối nguồn lực

- Xây dựng đội ngũ gây quỹ chuyên trách; phát triển các chương trình đối tác chiến lược với các gói tài trợ và quyền lợi rõ ràng để làm việc một cách bài bản với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn.

- Đa dạng hóa các kênh huy động, phát triển và hoàn thiện các kênh gây quỹ trực tuyến (website, QR code, ví điện tử), tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các cá nhân, nhà hảo tâm tham gia đóng góp.

- Thiết lập cơ chế quản lý và điều phối nguồn lực hiệu quả, ban hành và áp dụng thống nhất quy chế quản lý nguồn lực "hai luồng" (nguồn tập trung tại tỉnh và nguồn vận động tại chỗ), đảm bảo mọi đóng góp đều được ghi nhận, quản lý đúng luật và tổng hợp đầy đủ vào báo cáo chung của Đề án.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc vận động nguồn lực hỗ trợ

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch vận động nguồn lực. Điều phối, vận động và lồng ghép, sử dụng các nguồn lực một cách công khai, minh bạch.

- Đa dạng hóa nguồn lực, phương thức hỗ trợ phù hợp với yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tài trợ. Tiếp nhận, phân phối và triển khai các hoạt

động hỗ trợ đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng các sản phẩm hỗ trợ đáp ứng nhu cầu của các địa phương và đối tượng hưởng lợi.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ em; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm trong vận động, quyên góp, phân phối và sử dụng nguồn lực hỗ trợ trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hoạt động của Hội đồng Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An, đảm bảo các hoạt động được nhịp nhàng, hiệu quả, thiết thực.

- Rà soát nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án, qua đó đánh giá, điều chỉnh các hình thức vận động đạt hiệu quả.

Phần IV

LỘ TRÌNH, KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. LỘ TRÌNH

1. Năm 2026

- Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Đề án.

- Rà soát, thống kê, lập "hồ sơ theo dõi nhu cầu hỗ trợ"; Xây dựng, áp dụng phần mềm quản lý, số hóa toàn bộ dữ liệu từ hồ sơ theo dõi nhu cầu để xây dựng "bản đồ nhu cầu".

- Xây dựng và tuyên truyền về các hoạt động của Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng kế hoạch vận động xã hội nhằm thu hút nguồn kinh phí.

- Vận động những tổ chức, cá nhân hảo tâm đóng góp kinh phí thực hiện các nội dung của Đề án.

2. Từ năm 2027 đến 2030:

- Thực hiện các nội dung của Đề án;

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án hàng năm;

- Sơ kết thực hiện Đề án vào quý IV/2028;

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án vào quý II/2030.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn vận động xã hội hóa: 135,250 tỷ đồng

(Phụ lục 4, 5 kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu xây dựng các nội dung của Đề án, đảm bảo hiệu quả, đạt các nội dung vận động đề ra.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Chỉ đạo Quỹ Bảo trợ trẻ em Nghệ An: Tổ chức các hoạt động vận động nguồn lực và triển khai các chương trình hỗ trợ; rà soát, lập "hồ sơ theo dõi nhu cầu hỗ trợ" của ba nhóm trẻ em: trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng, áp dụng phần mềm quản lý, số hóa toàn bộ dữ liệu từ hồ sơ theo dõi nhu cầu để xây dựng "bản đồ nhu cầu", tạo thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước, vận động, phân bổ nguồn lực đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án của các sở, ngành, các tổ chức đoàn thể và các xã, phường. Tham mưu UBND tỉnh định kỳ sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Đề án.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí thực hiện đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm đảm bảo từ Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Vận động các nguồn viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài để thực hiện đề án.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu, đề xuất lồng ghép các nội dung tuyên truyền về Luật trẻ em vào chương trình học; phối hợp với UBND các xã, phường tham gia vận động nguồn lực xã hội đóng góp cho các chương trình hỗ trợ trẻ em.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường hướng dẫn các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện tốt chính sách miễn, giảm học phí cho trẻ em theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định một số cơ chế giảm một số khoản đóng góp cho trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Phối hợp với UBND các xã, phường triển khai các hoạt động hỗ trợ trẻ em tại trường học.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tăng cường, nâng cao chất lượng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao dành cho trẻ em.

- Vận động nguồn lực để xây dựng, nâng cấp các khu vui chơi dành cho trẻ

em, nhất là trẻ em tại các địa phương còn khó khăn.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động tuyên truyền nội dung đề án; tham gia vận động nguồn lực thực hiện các nội dung của đề án.

- Phối hợp Sở Y tế và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền rộng rãi về nội dung, các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Đề án; thông tin, tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia ủng hộ, hỗ trợ trẻ em.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ động triển khai, vận động nguồn lực thực hiện các hoạt động của Đề án; phối hợp với các địa phương trong việc đánh giá nhu cầu cần hỗ trợ cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi để triển khai thực hiện.

6. Sở Tư pháp

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nội dung đề án, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật về quyền trẻ em. Đưa nội dung phổ biến Luật trẻ em vào chương trình phổ biến giáo dục pháp luật.

7. Sở Ngoại vụ

Phối hợp vận động các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế thực hiện các dự án hỗ trợ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo quy định của pháp luật.

8. Công an tỉnh

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện đúng quy định về công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương, cụ thể: Công tác thẩm định, đánh giá, cấp phép, quản lý các nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; cấp phép và quản lý hoạt động của các chuyên gia thuộc các tổ chức phi chính phủ nước ngoài vào hoạt động tại địa phương.

- Triển khai bảo đảm công tác an ninh, trật tự theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các cơ quan nhận viện trợ trong việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Hướng dẫn kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài làm tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ nội bộ; bảo đảm yêu cầu về đối ngoại và bảo vệ an ninh quốc gia.

9. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Nghệ An

- Hàng năm phối hợp với Y tế trong thực hiện các chương trình tuyên truyền vận động nguồn lực.

- Xây dựng các chuyên đề và tăng thời lượng đưa tin về các hoạt động hỗ trợ trẻ em; quan tâm tuyên truyền nhằm nêu gương, phát huy, nhân rộng những mô hình, điển hình tốt trong công tác trẻ em nói chung và công tác vận động nguồn lực xã hội để giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nói riêng.

10. Các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế để triển khai các nội dung liên quan của Đề án, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An và các tổ chức thành viên

Căn cứ nhiệm vụ của tổ chức mình, tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tổ chức doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đóng góp, ủng hộ nguồn lực thực hiện đề án, giám sát việc thực hiện Đề án theo quy định.

12. UBND các xã, phường

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các cơ quan, ban, ngành, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tích cực đóng góp kinh phí, đồng thời có kế hoạch thực hiện hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn từ nguồn vận động, bảo đảm đúng đối tượng, hiệu quả, theo quy định hiện hành.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc rà soát, lập "Hồ sơ theo dõi nhu cầu", đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của số liệu.

- Phối hợp chặt chẽ với Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh khảo sát, thống kê số liệu về các nhóm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức triển khai, giám sát các hoạt động trao tặng, hỗ trợ tại địa phương, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng. Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện về Sở Y tế theo quy định.

- Trường hợp nguồn vận động được chuyển vào ngân sách địa phương, thực hiện quản lý theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; định kỳ báo cáo tình hình triển khai các nội dung của Đề án tại địa phương theo quy định./.

Phụ lục 1

THỰC TRẠNG TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Quyết định số: 2055/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030)

ĐVT: người

STT	Thực trạng, tình hình trẻ em	Số lượng	Ghi chú
I	**Số trẻ em dưới 16 tuổi**	**992.281**	
1,1	Theo giới tính		
-	Trẻ em trai	498.621	
-	Trẻ em nữ	493.660	
1,2	Theo dân tộc	-	
-	Trẻ em dân tộc Kinh	864.431	
-	Trẻ em dân tộc khác	127.850	
II	**Tổng số Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn**	**15.381**	
-	Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ	1.092	
-	Trẻ em bị bỏ rơi	73	
-	Trẻ em không nơi nương tựa	364	
-	Trẻ em khuyết tật	13.095	
-	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	260	
-	Trẻ em vi phạm pháp luật	92	
-	Trẻ em nghiện ma túy	-	
-	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục THCS	51	
-	Trẻ em bị bóc lột	-	
-	Trẻ em bị xâm hại tình dục	10	
-	Trẻ em bị mua bán	-	
-	Trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ ngh	344	
III	**Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt**	**116.761**	
-	Trẻ em sống trong gia đình nghèo, cận nghèo	62.453	
-	Trẻ em bỏ học	403	
-	Trẻ em sống trong các gia đình có vấn đề về xã hội	2.102	
-	Trẻ em sống trong gia đình có người mắc tệ nạn xã hội	535	
-	Trẻ em sống trong gia đình có người vi phạm pháp luật	430	
-	Trẻ em sống trong gia đình có cả cha và mẹ đi làm ăn xa	11.380	
-	Trẻ em mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ	5.626	
-	Trẻ em có nguy cơ khác	33.832	

Phụ lục 2

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC HỖ TRỢ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT, KHÓ KHĂN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2055/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030)

Đơn vị tính: *1.000đ*

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025						Đánh giá kết quả so với kế hoạch(%)		
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Giai đoạn 2021 - 2025	Vượt (%)	Đạt (%)	Không đạt (%)
I	**Nguồn ngân sách**	**15.723.950**	**2.564.790**	**2.875.205**	**2.903.023**	**2.941.250**	**2.416.682**	**13.700.950**	-	-	**87**
1	Nguồn ngân sách cấp tỉnh	**7.920.000**	1.404.000	1.485.000	1.413.000	1.411.000	1.284.000	**6.997.000**			**88**
2	Nguồn ngân sách cấp huyện	**7.803.950**	1.160.790	1.390.205	1.490.023	1.530.250	1.132.682	**6.703.950**			**86**
II	**Nguồn vận động**	**107.576.817**	**16.765.606**	**26.685.122**	**28.886.976**	**22.944.860**	**29.842.454**	**125.125.018**		**116**	
1	Nguồn vận động cấp tỉnh	**71.578.772**	10.166.000	19.260.122	21.167.974	14.619.738	23.618.865	**88.832.699**			
2	Nguồn vận động cấp huyện	**35.998.045**	6.599.606	7.425.000	7.719.002	8.325.122	6.223.589	**36.292.319**			
Tổng cộng		**123.300.767**	**19.330.396**	**29.560.327**	**31.789.999**	**25.886.110**	**32.259.136**	**138.825.968**		**113**	

Phụ lục 3

KẾT QUẢ HỖ TRỢ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT, KHÓ KHĂN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2055/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 cuả UBND tỉnh ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	
			SỐ LƯỢNG	TỔNG KINH PHÍ *(1.000đ)*	SỐ LƯỢNG	TỔNG KINH PHÍ *(1.000đ)*	SỐ LƯỢNG *(%)*	TỔNG KINH PHÍ *(%)*
A	**Kinh phí huy động các hoạt động hỗ trợ trẻ em**			**115.380.767**		**131.828.968**		**114**
I	**Chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng**		**69.426**	**49.965.867**	**59.991**	**40.525.788**	**86**	**81**
1	**Chương trình khám bệnh, cấp thuốc**		**62.500**	**5.109.667**	**39.398**	**2.249.713**	**63**	**44**
1.1	Chương trình khảo sát khám phân loại	Lượt em	37.500	2.005.500	28.650	1.004.720	76	50
1,2	Chương trình khám và cấp thuốc miễn phí	Lượt em	25.000	3.104.167	10.748	1.244.993	43	40
2	**Chương trình phẫu thuật các loại**	**ca**	**1.175**	**27.603.200**	**922**	**22.354.900**	**78**	**81**
2,1	*Chương trình "trái tim trẻ thơ"*	*ca*	200	20.000.000	268	17.478.225	134	87
2,2	*Chương trình "vững bước em đi"*	*ca*	200	1.901.000	169	1.321.840	85	70
2,3	*Chương trình "Nụ cười trẻ thơ"*	*ca*	300	2.421.900	175	1.412.775	58	58
2,4	*Chương trình "Ánh mắt trẻ thơ"*	*ca*	200	1.110.000	130	721.500	65	65
2,5	*Chương trình "Phẫu thuật tiết niệu sinh dục"*	*ca*	275	2.170.300	180	1.420.560	65	65
3	**Chương trình hỗ trợ dinh dưỡng**		**5.751**	**17.253.000**	**19.671**	**15.921.175**	**342**	**92**
3,1	*Hỗ trợ dinh dưỡng cho TE có HCKK thuộc 76 xã đặc biệt khó khăn thuộc lứa tuổi mầm non*	*em*	2.096	6.288.000	2.528	6.587.000	121	105

3,2	*Hỗ trợ dinh dưỡng cho TE có HCKK thuộc 76 xã đặc biệt khó khăn thuộc lứa tuổi tiểu học*	*em*	3.655	10.965.000	3.738	7.468.730	102	68
3,3	*Hỗ trợ dinh dưỡng cho TE có HCKK*	*em*	-	-	13.405	1.865.445	100	100
II	**Hỗ trợ giáo dục**			**36.420.900**		**51.239.214**		141
1	Chương trình hỗ trợ cấp học bổng	suất	10.500	10.500.000	13.423	11.213.320	128	107
2	Chương trình hỗ trợ tặng xe đạp đến trường	xe	9.400	15.980.000	6.905	12.736.792	73	80
3	Hỗ trợ xây dựng lớp học cho các trường mầm non tiểu học vùng khó khăn, trạm y tế	công trình	800	4.000.000	1.180	16.087.398	148	402
4	Chương trình hỗ trợ dụng cụ học tập	bộ	7.000	3.500.000	9.776	4.888.000	140	140
5	Chương trình thư viện thân thiện	trẻ	10.000	1.630.000	29.228	4.764.164	292	292
6	Chương trình trợ giúp trẻ rối loạn phát triển (số trẻ em được tập huấn chuyển giao kỹ thuật công nghệ)	trẻ	2.650	810.900	5.275	1.549.540	199	191
III	**Hỗ trợ Bảo vệ trẻ em**			**11.147.000**		**12.365.309**		111
1	Chương trình hỗ trợ xe lăn	xe	1.095	1.642.500	1.120	2.329.619	102	142
2	Cấp cặp phao, áo phao cứu sinh cho trẻ em vùng sông nước, vùng hay bị lũ lụt	chiếc	11.000	880.000	13.620	953.400	124	108
3	Chương trình tặng đồ ấm cho trẻ em các xã đặ biệt khó khăn	em	17.249	8.624.500	10.812	1.954.920	63	23
4	Chương trình Dự án Phòng, chống đuối nước trẻ em tỉnh Nghệ An do Tổ chức Campaign for Tobacco - Free Kids tài trợ	em			8.740	7.127.370	-	-
IV	**Hỗ trợ phát triển và tham gia**			**14.086.000**		**18.892.102**		134
1	Chương trình hỗ trợ đồ chơi cho các trường mầm non vùng khó khăn	bộ đồ chơi	8.750	875.000	1.630	1.740.334	19	199
2	Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em nhân các ngày lễ, tết	suất	53.280	13.211.000	75.256	17.151.768	141	130

V	**Chương trình hỗ trợ khác**		**2.475**	**3.761.000**	**5.958**	**8.806.555**	**241**	**234**
1	Bảo trợ dài hạn cho trẻ em có hoàn cảnh đặcbiệt khó khăn	em	75	750.000	33	340.000	44	45
2	Hỗ trợ đột xuất và hỗ trợ khác theo tôn chỉ mục đích của quỹ	em	1.400	1.400.000	3.810	6.493.300	272	464
3	Hỗ trợ tổ chức các sự kiện truyền thông huy động nguồn lực cho trẻ em có sự tham gia của trẻ em	em	1.000	1.611.000	2.115	1.973.255	212	122
B	**Kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ**		**5**	**7.920.000**	**5**	**6.997.000**	**100**	**88**
I	Phối hợp các nhà tài trợ, các đoàn y bác sỹ …	năm	5	7.920.000	5	6.997.000	100	88
TỔNG CỘNG			**-**	**123.300.767**		**138.825.968**		**113**

Phụ lục 4

DỰ KIẾN HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC HỖ TRỢ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT, KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: 2055/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 cuả UBND tỉnh ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030)

Đơn vị tính: 1.000đ

THỜI GIAN	TỔNG NGUỒN LỰC CÁC CẤP HUY ĐỘNG	*Trong đó*		Ghi chú
		NGUỒN LỰC CẤP TỈNH HUY ĐỘNG	NGUỒN LỰC CẤP PHƯỜNG, XÃ HUY ĐỘNG	
2026	24.609.000	18.930.000	5.679.000	
2027	25.990.000	19.500.000	6.490.000	
2028	27.048.000	20.017.000	7.031.000	
2029	28.152.000	20.552.000	7.600.000	
2030	29.451.000	21.363.000	8.088.000	
Cộng	**135.250.000**	**100.362.000**	**34.888.000**	

Phụ lục 5

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT, KHÓ KHĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số: 2057/QĐ-UBND ngày 19/5/2026 của UBND tỉnh ban hành Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030)

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KH GIAI ĐOẠN 2026-2030	
			SỐ LƯỢNG	TỔNG KINH PHÍ *(1.000đ)*
I	**Chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em**			**30.170.000**
1	Chương trình khảo sát khám phân loại và cấp thuốc	Lượt em	46.000	2.530.000
2	Chương trình phẫu thuật miễn phí	Lượt em	630	11.340.000
3	Chương trình phòng ngừa đuối nước - cặp phao cứu sinh	Lượt em	15.000	2.400.000
4	Chương trình phát hiện sớm - can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ và trẻ rối loạn phát triển (tập huấn chuyển giao công nghệ)	Lượt em	6.000	3.900.000
5	Hỗ trợ dinh dưỡng cho TE có HCKK	Trẻ em	20.000	10.000.000
II	**Hỗ trợ giáo dục**			**45.100.000**
1	Chương trình hỗ trợ cấp học bổng	suất	15.000	15.000.000
2	Chương trình hỗ trợ tặng xe đạp đến trường	xe	4.000	8.000.000
3	Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất (điểm trường, thư viện, nhà bán trú cho các xã đặc biệt khó khăn)	công trình	10	12.500.000
4	Chương trình hỗ trợ dụng cụ học tập	bộ	10.000	4.800.000
5	Chương trình thư viện thân thiện, thư viện số	Trẻ em	30.000	4.800.000
III	**Hỗ trợ Bảo vệ trẻ em**			**8.580.000**
1	Chương trình hỗ trợ xe lăn	xe	1.200	1.216.000
2	Chương trình tặng đồ ấm cho trẻ em các xã đặc biệt khó khăn	Trẻ em	12.000	6.120.000
3	Chương trình liên kết cộng đồng" trường học an toàn - thân thiện " (Tư vấn tâm lý học đường; kỹ năng sống và kỹ năng tham gia)	đợt	3	300.000
4	Hỗ trợ cung cấp dịch vụ xã hội cho trẻ em có HCĐB, nạn nhân là trẻ em và gia đình	năm	5	944.000
IV	**Hỗ trợ phát triển và tham gia**			**39.180.000**
1	Chương trình hỗ trợ đồ chơi cho các trường mầm non vùng khó khăn	Trẻ em	2.300	1.380.000
2	Thăm hỏi, tặng quà cho trẻ em nhân các ngày lễ, tết, khai giảng năm học mới	Trẻ em	75.600	37.800.000
V	**Chương trình hỗ trợ khác**			**12.220.000**
1	Bảo trợ dài hạn cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	Trẻ em	35	700.000
2	Hỗ trợ đột xuất và hỗ trợ khác theo tôn chỉ mục đích của quỹ	Trẻ em	8.000	7.650.000